

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ RẠCH GIÁ
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 72/2019/DSST

Ngày: 26/12/2019.

V/v: “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”.

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ RẠCH GIÁ, TỈNH KIÊN GIANG**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Vũ Thị Phương Thanh**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà: **Trần Thị Lệ**.
2. Ông: **Trần Văn Hội**.

Thư ký phiên tòa: Bà **Lê Thị Tú** - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.

Ngày 26 tháng 12 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án dân sự thụ lý số: 164/2019/TLST-DS ngày 05 tháng 6 năm 2019, về “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 22/2019/QĐXXST-DS ngày 04 tháng 12 năm 2019 giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: **Ngân hàng Thương mại Cổ phần SG Thương Tín (Sacombank)**.

Trụ sở chính: Lầu 8, số 266-268 đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường 8, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Đức Thạch D – Chức vụ: Tổng Giám đốc.

Đại diện ủy quyền tham gia tố tụng: Ông Lê Đình T – Nhân viên Ngân hàng TMCP SG Thương Tín - Chi nhánh Kiên Giang. (Có mặt)

* Bị đơn: Ông **Phạm D**, sinh năm 1984. (Có đơn xin vắng mặt).

Địa chỉ: Số 839/26A đường Nguyễn Trung Trực, phường An Bình, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn - ông Lê Đình T trình bày:

Ngày 03/6/2011, ông Phạm D có ký Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng với Ngân hàng TMCP SG Thương Tín (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng cùng các Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng - các tài liệu này được gọi chung là Hợp đồng). Căn cứ thu nhập của ông Phạm D, Ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng là 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng) với mục đích sử dụng là tiêu dùng cá nhân. Sau khi được cấp thẻ tín dụng, ông D đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 355.470.366 đồng.

Trong quá trình sử dụng thẻ từ ngày kích hoạt đến nay, ông D đã thanh toán cho Ngân hàng được số tiền là 372.901.965 đồng, thứ tự thanh toán căn cứ theo Điều 20 của bảng Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng.

Ngân hàng đã nhiều lần làm việc và nhắc nhở, nhưng ông D vẫn không có thiện chí trả nợ. Do ông D vi phạm nghĩa vụ thanh toán (Điều 2 của bảng Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng). Ngày 26/01/2018, Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn (Điều 3 của bảng Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng).

Tạm tính đến ngày 26/12/2019, ông Phạm D còn nợ Ngân hàng tổng số tiền là 205.436.802 đồng (Hai trăm lẻ năm triệu, bốn trăm ba mươi sáu nghìn, tám trăm lẻ hai đồng). Trong đó:

+ Nợ gốc là: 117.224.994 đồng;

+ Nợ lãi quá hạn là: 88.211.808 đồng.

Tại phiên tòa, Ngân hàng TMCP SG Thương Tín vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu ông Phạm D phải trả cho Ngân hàng tổng số tiền nợ gốc và lãi tạm tính đến ngày 26/12/2019 là **205.436.802 đồng** (Hai trăm lẻ năm triệu, bốn trăm ba mươi sáu nghìn, tám trăm lẻ hai đồng) và tiền lãi phát sinh kể từ ngày 27/12/2019 cho đến khi trả hết nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng cho vay đã ký.

Trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa, bị đơn ông Phạm D vắng mặt, nhưng tại bản tự khai đề ngày 01/11/2019, ông Phạm D có ý kiến xác nhận:

Ông Phạm D thừa nhận có ký Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng với Ngân hàng TMCP SG Thương Tín và có nợ Ngân hàng số tiền đúng như phía Ngân hàng đã trình bày. Ông D cam kết sẽ hoàn trả đầy đủ nợ gốc và lãi cho Ngân hàng nhưng xin gia hạn đến khi chấp hành hình phạt tù xong.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Ngân hàng TMCP SG Thương Tín khởi kiện bị đơn là ông Phạm D có địa chỉ tại số 839/26A đường Nguyễn Trung Trực, phường An Bình, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang, yêu cầu ông D trả tiền vay theo Hợp đồng tín dụng, nên xác định đây là “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tại Đơn xin vắng mặt đề ngày 01/11/2019, bị đơn ông Phạm D đã có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP SG Thương Tín và xin được vắng mặt trong toàn bộ quá trình tố tụng cũng như tại phiên tòa xét xử vụ án. Vì vậy, căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị đơn.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Ngân hàng TMCP SG Thương Tín khởi kiện yêu cầu ông Phạm D phải trả cho Ngân hàng tổng số tiền nợ gốc và lãi tạm tính đến ngày 26/12/2019 là **205.436.802 đồng** (Hai trăm lẻ năm triệu, bốn trăm ba mươi sáu nghìn, tám trăm lẻ hai đồng) và tiền lãi phát sinh kể từ ngày 27/12/2019 cho đến khi trả hết nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng cho vay đã ký. Hội đồng xét xử nhận định:

Giữa Ngân hàng TMCP SG Thương Tín và ông Phạm D đều thống nhất lời khai: Ông Phạm D có ký kết hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng với ngân hàng TMCP SG Thương Tín ngày 03/6/2011, với hạn mức sử dụng là 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng), mục đích sử dụng là tiêu dùng cá nhân. Do ông D đã vi phạm nghĩa vụ về thanh toán nợ, nên Ngân hàng TMCP SG Thương Tín đã có đơn khởi kiện yêu cầu ông D thực hiện nghĩa vụ thanh toán nợ theo hợp đồng đã ký kết. Xét Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng ngày 03/6/2011 đã được các bên ký kết đúng trình tự quy định của pháp luật. Việc Ngân hàng khởi kiện ông D trong thời gian thực hiện hợp đồng, là do ông D đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận đã được hai bên ký kết tại Điều 2 của bảng Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng. Ngân hàng cũng đã có văn bản nhắc nhở đối với ông D, nên việc Ngân hàng khởi kiện là có căn cứ. Căn cứ Điều 351, Điều 463, Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015, buộc ông D phải có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng tổng số nợ tính đến 26/12/2019 là 205.436.802 đồng và tiền

lãi phát sinh kể từ ngày 27/12/2019 cho đến khi trả hết nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng cho vay đã ký.

[4] Xét yêu cầu xin gia hạn trả nợ của bị đơn ông Phạm D: Ông D xin gia hạn trả nợ đến khi chấp hành án xong và có thu nhập đủ khả năng trả nợ. Đại diện ủy quyền Ngân hàng không đồng ý và yêu cầu ông D thanh toán nợ theo hợp đồng. Xét các bên không thống nhất với nhau về phương thức thanh toán nợ nên Hội đồng xét xử không có cơ sở ghi nhận. Mặt khác, yêu cầu này không thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo hướng dẫn tại mục 1 Phần III của Thông tư liên tịch số 01/TTLT ngày 19/6/1997 của TANDTC-VKSNDTC-BTP-BTC hướng dẫn việc xét xử và thi hành án.

[5] Về án phí dân sự có giá ngạch: Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26, điểm d mục 1.3 phần II Danh mục án phí của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Ông Phạm D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm giá ngạch trên số tiền phải trả cho nguyên đơn là: $205.436.802 \text{ đồng} \times 5\% = 10.271.840 \text{ đồng}$ (Mười triệu hai trăm bảy mươi một nghìn tám trăm bốn mươi đồng).

Do yêu cầu khởi kiện được chấp nhận, nên nguyên đơn Ngân hàng TMCP SG Thương Tín không phải chịu án phí, hoàn lại tiền tạm ứng án phí Ngân hàng TMCP SG Thương Tín đã nộp là 3.670.000 đồng (Ba triệu sáu trăm bảy mươi nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0005859 ngày 03/6/2019 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ: Khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 91; Điều 93; khoản 1 Điều 147; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 271; khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ: Điều 275; Điều 280; Điều 357; Điều 463; Điều 466; Điều 468; Điều 688 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

- Căn cứ: Điều 91; Điều 95 của Luật các Tổ chức tín dụng.

- Căn cứ: Khoản 2 Điều 26; điểm d mục 1.3 phần II Danh mục án phí của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần SG Thương Tín về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng với bị đơn ông Phạm D. Buộc ông Phạm D có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng tổng số tiền

vay vốn gốc và lãi tạm tính đến ngày 26/12/2019 là **205.436.802 đồng** (Hai trăm lẻ năm triệu, bốn trăm ba mươi sáu nghìn, tám trăm lẻ hai đồng).

Kể từ ngày 27/12/2019 cho đến khi thi hành án xong, ông Phạm D còn phải trả cho Ngân hàng TMCP SG Thương Tín khoản tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất các bên đã thỏa thuận trong Hợp đồng ngày 03/6/2011 trên số nợ gốc tương ứng với thời gian chưa thi hành án, nhưng phải phù hợp quy định của pháp luật.

Trường hợp trong Hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kì của Ngân hàng cho vay, thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

[2] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bị đơn ông Phạm D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm giá ngạch trên số tiền phải trả cho nguyên đơn là: 10.271.840 đồng (Mười triệu, hai trăm bảy mươi một nghìn, tám trăm bốn mươi đồng).

Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP SG Thương Tín số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 3.670.000 đồng (Ba triệu sáu trăm bảy mươi nghìn đồng), theo biên lai thu tiền số 0005859 ngày 03/6/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.

[3] Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn vắng mặt có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

*** Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND TP. Rạch Giá;
- Chi cục THSDA TP. Rạch Giá;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Vũ Thị Phương Thanh